

KHÓ KHĂN CỦA GIẢNG VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỊA PHƯƠNG TRONG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ

Lê Thị Thu Hà¹

TÓM TẮT

Bài viết sử dụng các phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp trưng cầu ý kiến nhằm làm rõ đặc điểm các trường đại học địa phương, sự cần thiết của phát triển năng lực số cho giảng viên các trường đại học địa phương đối với hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, đánh giá thực trạng những khó khăn trong phát triển năng lực số của giảng viên tại các trường đại học địa phương. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục những khó khăn, phát triển năng lực số cho đội ngũ giảng viên, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục đại học.

Từ khóa: Năng lực số, giảng viên đại học, trường đại học địa phương, chuyển đổi số, đổi mới giáo dục.

DOI: <https://doi.org/10.70117/hdujs.3030-4741.07.2026.1491>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự phát triển nhanh của công nghệ số đang làm thay đổi căn bản phương thức tổ chức và vận hành của giáo dục đại học. Việc dạy học, nghiên cứu khoa học, quản lý đào tạo và tương tác giữa giảng viên với người học ngày càng gắn chặt với môi trường số. Trong bối cảnh chuyển đổi số được triển khai mạnh mẽ trên phạm vi toàn quốc, năng lực số trở thành yêu cầu cấp thiết đối với đội ngũ giảng viên, không chỉ để thích ứng với những thay đổi của hoạt động nghề nghiệp mà còn góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học.

Là một bộ phận của hệ thống giáo dục đại học, các trường đại học địa phương giữ vai trò đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực. Bên cạnh hoạt động đào tạo, các trường còn thực hiện nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng. Để thực hiện hiệu quả những nhiệm vụ này, đội ngũ giảng viên cần có khả năng khai thác, ứng dụng và đổi mới phương pháp làm việc trên nền tảng công nghệ số.

Nhằm đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục, ngày 25/01/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 131/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”. Đề án xác định mục tiêu đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong toàn hệ thống giáo dục nhằm đổi mới hoạt động dạy học, giáo dục, quản lý và nâng cao chất lượng đào tạo [6]. Đây đồng thời là căn cứ quan trọng để các cơ sở giáo dục đại học xây dựng kế hoạch phát triển năng lực số cho đội ngũ giảng viên.

¹Khoa Giáo dục, Trường Đại học Hồng Đức; Email: lethithuha@hdu.edu.vn

Mặc dù quá trình chuyển đổi số ở các trường đại học địa phương đã đạt được những kết quả bước đầu, việc phát triển năng lực số của giảng viên vẫn còn nhiều trở ngại. Sự khác biệt về điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ, nguồn lực tài chính và cơ hội tiếp cận các chương trình bồi dưỡng khiến khả năng ứng dụng công nghệ số của giảng viên chưa đồng đều. Một bộ phận giảng viên vẫn gặp khó khăn trong việc thiết kế học liệu số, tổ chức dạy học trên môi trường trực tuyến, khai thác dữ liệu phục vụ giảng dạy và nghiên cứu, cũng như sử dụng các công nghệ mới để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp. Bên cạnh những hạn chế từ phía cá nhân, điều kiện hỗ trợ của nhà trường như hạ tầng kỹ thuật, chính sách khuyến khích, nguồn học liệu số và hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cũng chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển năng lực số trong giai đoạn hiện nay.

Từ thực trạng đó, việc làm rõ đầy đủ những khó khăn mà giảng viên các trường đại học địa phương đang gặp phải trong quá trình phát triển năng lực số có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn. Kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần làm rõ các rào cản đối với quá trình chuyển đổi số trong giáo dục đại học mà còn là cơ sở đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao năng lực số cho đội ngũ giảng viên, qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thực hiện nghiên cứu này, bài viết đã sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính. Trước hết, phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu được vận dụng nhằm thu thập, chọn lọc và hệ thống hóa các công trình nghiên cứu, văn bản quy phạm pháp luật, tài liệu chuyên ngành và các nguồn học thuật liên quan đến năng lực số của giảng viên đại học.

Bên cạnh nghiên cứu lý luận, khảo sát bằng bảng hỏi được thiết kế vào tháng 6 năm 2026 trên nền tảng Google Forms khảo sát đối với 143 giảng viên và cán bộ quản lý của 09 trường đại học công lập trực thuộc địa phương, gồm: Trường Đại học Hồng Đức, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, Trường Đại học Hạ Long, Trường Đại học Tân Trào, Trường Đại học Hùng Vương, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, Trường Đại học Hoa Lư, Trường Đại học Thái Bình, Trường Đại học Sài Gòn.

Dữ liệu thu thập được xử lý bằng phần mềm SPSS 27.0 nhằm bảo đảm tính khách quan và độ tin cậy của kết quả phân tích. Các số liệu được sử dụng để đánh giá thực trạng nhận thức của giảng viên về năng lực số, phân tích những khó khăn trong quá trình phát triển năng lực số, đồng thời xác định nhu cầu bồi dưỡng và các điều kiện hỗ trợ từ phía nhà trường.

Việc kết hợp giữa nghiên cứu tài liệu và khảo sát thực tiễn giúp bảo đảm cơ sở khoa học cho nghiên cứu, đồng thời phản ánh tương đối đầy đủ thực trạng phát triển năng lực số của giảng viên tại các trường đại học địa phương, những khó khăn mà giảng viên đang gặp phải. Đây cũng là căn cứ để đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao năng lực số của giảng viên trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

Dữ liệu khảo sát và kết quả tổng hợp được lưu trữ tại kho dữ liệu trực tuyến của nhóm nghiên cứu, phục vụ cho quá trình kiểm chứng và đối chiếu kết quả nghiên cứu tại đường link <https://drive.google.com/drive/u/3/folders/1effUkNEry58Kh0gUSKJaHVL7fXtNCLXC>

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

3.1. Khái niệm về năng lực số

Năng lực số là một khái niệm được nhiều tổ chức quốc tế và cơ quan quản lý giáo dục quan tâm nghiên cứu trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu.

Theo UNESCO, năng lực số là tập hợp các khả năng giúp cá nhân sử dụng thiết bị số, các ứng dụng truyền thông và Internet để truy cập, quản lý thông tin; tạo lập và chia sẻ nội dung số; giao tiếp, hợp tác và giải quyết vấn đề trong học tập, công việc cũng như đời sống xã hội [10]. Trong khi đó, Thông tư số 18/2026/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định: Năng lực số là khả năng sử dụng công nghệ số một cách thành thạo, an toàn, sáng tạo và có trách nhiệm trong học tập, làm việc và đời sống xã hội [2].

Từ các quan điểm trên có thể thấy, năng lực số không chỉ phản ánh khả năng sử dụng các thiết bị và công cụ công nghệ, mà còn bao gồm năng lực tìm kiếm, phân tích và đánh giá thông tin; giao tiếp, hợp tác trong môi trường số; sáng tạo nội dung số; bảo đảm an toàn thông tin và dữ liệu; giải quyết vấn đề; đồng thời thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ số.

Trên cơ sở kế thừa các quan điểm của UNESCO và Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong nghiên cứu này, năng lực số được hiểu là khả năng vận dụng công nghệ số một cách hiệu quả, an toàn, sáng tạo và có trách nhiệm để truy cập, quản lý, đánh giá, tạo lập và chia sẻ thông tin, phục vụ hoạt động học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phát triển nghề nghiệp và tham gia các hoạt động xã hội. Đối với giảng viên đại học, năng lực số còn thể hiện ở khả năng tích hợp công nghệ vào toàn bộ quá trình dạy học, nghiên cứu, quản lý học tập và hỗ trợ người học trong môi trường giáo dục số.

Hiện nay, nhiều khung năng lực số đã được xây dựng nhằm định hướng việc đánh giá và phát triển năng lực số cho đội ngũ nhà giáo. Trong Khung tham chiếu toàn cầu về năng lực số của UNESCO, năng lực số được cấu thành từ bảy nhóm năng lực gồm: Vận hành thiết bị và phần mềm; Thông tin và dữ liệu; Giao tiếp và hợp tác; Sáng tạo nội dung số; An toàn; Giải quyết vấn đề; Năng lực liên quan đến nghề nghiệp [7].

Bên cạnh đó, Khung năng lực số dành cho nhà giáo dục (DigCompEdu) do Redecker (2017) phát triển đã trở thành một trong những khung tham chiếu được sử dụng rộng rãi trong giáo dục. Khung này gồm sáu lĩnh vực với 22 năng lực thành phần, bao gồm: Tham gia chuyên môn; Tài nguyên số; Dạy và học; Đánh giá; Trao quyền cho người học; Và phát triển năng lực số cho người học [7]. DigCompEdu không chỉ hỗ trợ các cơ sở giáo dục xác định chuẩn năng lực của nhà giáo mà còn là căn cứ để xây dựng chương trình bồi dưỡng và đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục.

Ở Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 18/2026/TT-BGDĐT ngày 27/3/2026 quy định Khung năng lực số dành cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Khung này gồm sáu miền năng lực với 20 năng lực thành phần, bao gồm: Tổ chức dạy học và giáo dục trong môi trường số; Kiểm tra, đánh giá; Trao quyền cho người học; Kỹ năng công nghệ số; Phát triển chuyên môn; và ứng dụng trí tuệ nhân tạo [2]. Đây là cơ sở quan trọng, cần thiết, để các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đánh giá và phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên trong giai đoạn chuyển đổi số.

Đối với giảng viên các trường đại học địa phương, việc vận dụng Khung năng lực số theo Thông tư số 18/2026/TT-BGDĐT cần được đặt trong bối cảnh đặc thù của hoạt động nghề nghiệp ở giáo dục đại học. Bên cạnh các miền năng lực được quy định trong Thông tư, nên xem xét bổ sung nhóm năng lực gắn với hoạt động nghề nghiệp của giảng viên, như năng lực ứng dụng công nghệ số trong nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức, hợp tác học thuật và phát triển chuyên môn liên tục. Cách tiếp cận này không chỉ phản ánh đầy đủ hơn yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên đại học mà còn tạo cơ sở để xây dựng tiêu chí đánh giá, thiết kế các chương trình bồi dưỡng và đề xuất giải pháp phát triển năng lực số phù hợp với điều kiện thực tiễn của các trường đại học địa phương.

3.2. Đặc điểm các trường đại học địa phương ở Việt Nam hiện nay

Trường đại học địa phương là cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc thành phố trực thuộc Trung ương, được thành lập nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực lân cận. Mô hình này được hình thành từ năm 1997 và đến nay cả nước có 26 trường đại học địa phương. Với chức năng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, các trường có mối liên hệ chặt chẽ với chiến lược phát triển của từng địa phương, đồng thời góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cho các ngành, lĩnh vực trọng điểm.

So với các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Trung ương, các trường đại học địa phương được hình thành và phát triển trên cơ sở nhu cầu nhân lực, đặc điểm kinh tế - xã hội, cơ cấu ngành nghề và định hướng phát triển của từng địa phương. Vì vậy, hoạt động của các trường không chỉ tập trung vào đào tạo mà còn hướng đến nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao tri thức, phục vụ cộng đồng và giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra trong quá trình phát triển của địa phương.

Chương trình đào tạo của các trường đại học địa phương thường được xây dựng theo hướng đáp ứng nhu cầu nhân lực, đặc thù của từng địa phương trong các lĩnh vực như giáo dục, công nghiệp, nông nghiệp, du lịch, dịch vụ, y tế, quản lý công và các ngành kinh tế - xã hội. Điều này đòi hỏi chương trình đào tạo phải bảo đảm tính thực tiễn, linh hoạt và khả năng thích ứng với sự biến động của thị trường lao động. Bên cạnh đó, phần lớn người học đến từ địa phương hoặc các khu vực lân cận, vì vậy các trường còn có vai trò mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục đại học, góp phần bảo đảm công bằng trong giáo dục và phát triển nguồn nhân lực tại chỗ.

Ngoài hoạt động đào tạo, nhiều trường đại học địa phương còn tham gia tư vấn chính sách, nghiên cứu ứng dụng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, hỗ trợ đổi mới giáo dục, chuyển giao khoa học và công nghệ, đồng thời tăng cường hợp tác với doanh nghiệp và các tổ chức trên địa bàn. Hoạt động nghiên cứu khoa học của các trường vì vậy thường gắn với việc giải quyết những vấn đề cụ thể trong sản xuất, quản lý và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, qua đó khẳng định vai trò của trường đại học như một trung tâm tri thức phục vụ phát triển vùng.

Bên cạnh những lợi thế đó, các trường đại học địa phương vẫn đang đối mặt với không ít khó khăn và thách thức. Áp lực cạnh tranh trong tuyển sinh ngày càng lớn, trong khi nguồn lực tài chính, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất và năng lực nghiên cứu khoa học ở nhiều trường còn hạn chế so với các trường đại học lớn. Sự thay đổi về nhu cầu học tập của người học trước sự phát triển của giáo dục nghề nghiệp, đào tạo trực tuyến, du học và những yêu

cầu mới của thị trường lao động cũng đặt ra yêu cầu đổi mới đối với các cơ sở giáo dục đại học địa phương. Trong bối cảnh đó, việc nâng cao chất lượng đào tạo, đổi mới mô hình quản trị, tăng cường hợp tác với doanh nghiệp và xây dựng bản sắc riêng trở thành những nhiệm vụ quan trọng đối với mỗi nhà trường.

Trong bối cảnh chuyển đổi số và đổi mới giáo dục đại học, các trường đại học địa phương phải thích ứng với những yêu cầu mới trong điều kiện nguồn lực triển khai còn chưa đồng đều. Đội ngũ giảng viên hiện nay đảm nhận nhiều chức năng ngoài hoạt động giảng dạy, bao gồm nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, ứng dụng công nghệ vào đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy và hỗ trợ người học phát triển năng lực nghề nghiệp. Sự mở rộng vai trò này đòi hỏi giảng viên phải không ngừng hoàn thiện năng lực chuyên môn, năng lực nghề nghiệp cũng như năng lực số nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và nâng cao chất lượng đào tạo trong bối cảnh chuyển đổi số.

Có thể thấy, các trường đại học địa phương có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục đại học, đảm nhận nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao tri thức nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương cũng như khu vực. Đặc trưng của nhóm trường này thể hiện ở sự gắn kết chặt chẽ với nhu cầu phát triển địa phương, định hướng đào tạo theo nhu cầu xã hội, chú trọng nghiên cứu ứng dụng và phục vụ cộng đồng, đồng thời phải thích ứng với những yêu cầu đổi mới trong điều kiện nguồn lực còn hạn chế. Việc nhận diện đầy đủ những đặc điểm trên là cơ sở quan trọng để đề xuất các giải pháp phát triển phù hợp, trong đó có phát triển năng lực số cho đội ngũ giảng viên, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các trường đại học địa phương trong giai đoạn hiện nay.

3.3. Sự cần thiết phát triển năng lực số cho giảng viên các trường đại học địa phương trong giai đoạn hiện nay

Chuyển đổi số đã và đang tạo ra những thay đổi sâu sắc đối với hoạt động giáo dục đại học. Trong bối cảnh đó, phát triển năng lực số cho giảng viên không chỉ là xu hướng tất yếu mà còn là điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo và thực hiện hiệu quả mục tiêu đổi mới giáo dục. Chuyển đổi số không chỉ dừng lại ở việc trang bị hạ tầng công nghệ hoặc sử dụng các phần mềm hỗ trợ giảng dạy mà còn đòi hỏi giảng viên có khả năng khai thác hiệu quả công nghệ số trong toàn bộ quá trình dạy học, từ thiết kế học liệu, tổ chức hoạt động học tập, kiểm tra đánh giá đến hỗ trợ người học và khai thác dữ liệu phục vụ cải tiến chất lượng đào tạo.

Yêu cầu này được thể hiện rõ trong các chủ trương và chính sách của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Theo Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 ban hành Khung năng lực số cho người học, năng lực số được cấu trúc thành 6 miền năng lực với 24 năng lực thành phần, gồm: Khai thác dữ liệu và thông tin; Giao tiếp và hợp tác trong môi trường số; Sáng tạo nội dung số; An toàn; Giải quyết vấn đề; Ứng dụng trí tuệ nhân tạo [1]. Mặc dù khung năng lực này được xây dựng cho người học, nhưng cũng đặt ra yêu cầu đối với giảng viên trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy và tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục nhằm hình thành và phát triển năng lực số cho người học.

Đối với các trường đại học địa phương, phát triển năng lực số cho giảng viên không chỉ là yêu cầu của chuyển đổi số mà còn là điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng đào

tạo. Trong quá trình thực hiện sứ mệnh cung cấp nguồn nhân lực cho địa phương và khu vực, các trường phải đối mặt với nhiều hạn chế về nguồn lực, từ cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ đến kinh phí đầu tư, khiến việc triển khai các hoạt động đổi mới gặp không ít khó khăn. Trong bối cảnh đó, năng lực số của giảng viên không chỉ góp phần đổi mới hoạt động dạy học mà còn tạo điều kiện mở rộng khả năng tiếp cận tri thức, chia sẻ nguồn học liệu và tăng cường kết nối học thuật, qua đó từng bước thu hẹp khoảng cách về chất lượng đào tạo giữa các trường đại học địa phương và các trường đại học do bộ, ngành trung ương quản lý.

Thực tiễn cho thấy, việc ứng dụng công nghệ trong nhiều cơ sở giáo dục đại học vẫn chưa mang lại hiệu quả như kỳ vọng nếu giảng viên chưa có năng lực số tương xứng. Không ít trường đã đầu tư hệ thống học tập trực tuyến, học liệu số hoặc các công cụ đánh giá điện tử nhưng việc khai thác còn hạn chế, học liệu chưa được thiết kế theo hướng tăng cường tương tác, các nền tảng số chưa được sử dụng hiệu quả để hỗ trợ học tập và phản hồi kết quả học tập của người học. Điều này cho thấy phát triển năng lực số cho giảng viên là yếu tố quyết định hiệu quả của quá trình chuyển đổi số trong giáo dục đại học.

Bên cạnh hoạt động giảng dạy, năng lực số còn hỗ trợ giảng viên nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học, hợp tác học thuật và phục vụ cộng đồng. Việc sử dụng thành thạo các cơ sở dữ liệu khoa học, phần mềm quản lý tài liệu, công cụ phân tích dữ liệu, nền tảng hội thảo trực tuyến và các môi trường học thuật số giúp giảng viên mở rộng cơ hội hợp tác trong nước và quốc tế, đồng thời cập nhật kịp thời các thành tựu khoa học để phục vụ giảng dạy, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn của địa phương. Đây là lợi thế đặc biệt quan trọng đối với các trường đại học địa phương, nơi điều kiện tiếp cận trực tiếp với các trung tâm nghiên cứu và chuyên gia còn nhiều hạn chế.

Mặt khác, những tác động từ chuyển đổi số, sự thay đổi trong đặc điểm và phương thức học tập của người học cũng đặt ra yêu cầu giảng viên phải không ngừng đổi mới năng lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và khả năng ứng dụng công nghệ để đáp ứng yêu cầu đào tạo hiện nay. Sinh viên ngày càng có xu hướng khai thác tri thức thông qua học liệu mở, thư viện số, các khóa học trực tuyến, mạng xã hội học thuật và các công cụ trí tuệ nhân tạo. Vì vậy, vai trò của giảng viên không còn giới hạn ở việc truyền đạt kiến thức mà chuyển sang thiết kế môi trường học tập, tổ chức hoạt động học tập, định hướng khai thác thông tin và hỗ trợ người học phát triển năng lực tự học, tư duy phản biện và năng lực số.

Kết quả khảo sát 143 giảng viên và cán bộ quản lý tại các trường đại học địa phương cho thấy có 83,9% ý kiến đánh giá việc phát triển năng lực số cho giảng viên là rất cần thiết, 15,4% cho rằng cần thiết, trong khi tỷ lệ lựa chọn các mức đánh giá khác không đáng kể. Kết quả này phản ánh nhận thức khá thống nhất của đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý về vai trò của năng lực số trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học hiện nay.

Từ những phân tích trên có thể thấy, phát triển năng lực số cho giảng viên các trường đại học địa phương không chỉ là yêu cầu để thích ứng với quá trình chuyển đổi số mà còn là điều kiện quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, thúc đẩy nghiên cứu khoa học và tăng cường phục vụ cộng đồng. Phát triển năng lực số không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo mà còn tạo động lực để các trường đại học địa phương tăng cường năng lực cạnh tranh, chủ động thích ứng với yêu cầu đổi mới giáo dục đại học và tiến trình hội nhập quốc tế trong bối cảnh chuyển đổi số.

3.4. Những khó khăn của giảng viên các trường đại học địa phương trong phát triển năng lực số

Trong những năm gần đây, nhiều trường đại học địa phương đã tích cực thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong các hoạt động đào tạo, quản trị và nghiên cứu khoa học. Hệ thống quản lý học tập (LMS), thư viện số, học liệu điện tử, nền tảng dạy học và họp trực tuyến cùng nhiều phần mềm hỗ trợ giảng dạy đã được triển khai tại các cơ sở đào tạo. Việc đầu tư và ứng dụng các công nghệ này đã tạo điều kiện thuận lợi để giảng viên đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn. Tuy nhiên, năng lực số của đội ngũ giảng viên vẫn còn có những khó khăn nhất định, năng lực số của giảng viên tại một số trường đại học địa phương vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đổi mới giáo dục đại học trong bối cảnh chuyển đổi số. Điều này cho thấy hiệu quả của chuyển đổi số không chỉ phụ thuộc vào hạ tầng công nghệ mà còn chịu tác động trực tiếp từ năng lực, nhận thức và khả năng thích ứng của đội ngũ giảng viên. Để đánh giá thực trạng này, nhóm nghiên cứu đã khảo sát 143 giảng viên và cán bộ quản lý tại 09 trường đại học địa phương; kết quả được trình bày ở bảng 1.

Bảng 1. Cán bộ quản lý, giảng viên đánh giá về mức độ khó khăn của giảng viên các trường đại học địa phương trong phát triển năng lực số

STT	Các khó khăn	Mức độ thực hiện								ĐTB	ĐLC
		Rất khó khăn		Khó khăn		Ít khó khăn		Không khó khăn			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Nhận thức của một bộ phận giảng viên về năng lực số	6	4.2	40	28.0	54	37.8	43	30.1	2.06	0.86
2	Kiến thức công nghệ	3	2.1	61	42.7	59	41.3	20	14.0	2.32	0.73
3	Kỹ năng sử dụng công nghệ	6	4.2	55	38.5	64	44.8	18	12.6	2.34	0.75
4	Năng lực tích hợp công nghệ vào giảng dạy	4	2.8	54	37.8	64	44.8	21	14.7	2.28	0.74
5	Năng lực ứng dụng công nghệ trong nghiên cứu và phát triển chuyên môn	6	4.2	51	35.7	66	46.2	20	14.0	2.30	0.76
6	Thái độ và khả năng thích ứng	3	2.1	32	22.4	69	48.3	39	27.3	1.99	0.76
7	Điều kiện hạ tầng công nghệ	11	7.7	62	43.4	51	35.7	19	13.3	2.45	0.81
8	Hoạt động bồi dưỡng về công nghệ số	5	3.5	53	37.1	62	43.4	23	16.1	2.27	0.77
9	Áp lực công việc lớn, thời gian eo hẹp	12	8.4	60	42.0	53	37.11	18	12.6	2.46	0.82
10	Cơ chế khuyến khích chưa rõ	11	7.7	64	44.8	52	36.4	16	11.2	2.49	0.79
TBC		2.30									

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ khó khăn trong phát triển năng lực số của giảng viên ở các trường đại học địa phương đạt điểm trung bình chung là 2,30, phản ánh rằng các khó khăn đang tồn tại ở mức trung bình. Điều này cho thấy phần lớn giảng viên đã có những

điều kiện nhất định để tiếp cận và ứng dụng công nghệ số, tuy nhiên quá trình phát triển năng lực số vẫn chịu tác động bởi nhiều yếu tố khác nhau, từ điều kiện làm việc, chính sách quản lý đến năng lực và nhận thức của bản thân giảng viên.

Trong các yếu tố được khảo sát, cơ chế khuyến khích chưa rõ ràng được đánh giá là khó khăn lớn nhất với điểm trung bình 2,49, tiếp theo là áp lực công việc và quỹ thời gian hạn chế (ĐTB = 2,46) và điều kiện hạ tầng công nghệ (ĐTB = 2,45). Đây đều là những yếu tố thuộc môi trường tổ chức, phản ánh rằng việc phát triển năng lực số không chỉ phụ thuộc vào sự chủ động của từng giảng viên mà còn chịu ảnh hưởng đáng kể từ chính sách hỗ trợ và nguồn lực của nhà trường. Khi thiếu các cơ chế ghi nhận, khuyến khích hoặc phân bổ thời gian hợp lý, giảng viên sẽ khó dành nguồn lực để học tập, cập nhật công nghệ và đổi mới hoạt động chuyên môn.

Kết quả cũng cho thấy sự khác biệt giữa các nhóm khó khăn mang tính cá nhân. Các tiêu chí như kỹ năng sử dụng công nghệ (ĐTB = 2,34), kiến thức công nghệ (ĐTB = 2,32), năng lực ứng dụng công nghệ trong nghiên cứu và phát triển chuyên môn (ĐTB = 2,30) và năng lực tích hợp công nghệ vào giảng dạy (ĐTB = 2,28) đều được đánh giá ở mức tương đối gần nhau. Điều này phản ánh rằng phần lớn giảng viên đã có nền tảng công nghệ nhất định, song việc vận dụng công nghệ để đổi mới phương pháp giảng dạy, nghiên cứu và phát triển chuyên môn vẫn chưa thực sự đồng đều. Khoảng cách giữa khả năng sử dụng công cụ số và khả năng khai thác công nghệ nhằm nâng cao chất lượng dạy học vẫn còn khá rõ nét.

Đáng chú ý, tiêu chí nhận thức về năng lực số có điểm trung bình 2,06, trong đó có 32,2% ý kiến cho rằng đây vẫn là khó khăn hoặc rất khó khăn. Mặc dù tỷ lệ này không phải cao nhất, nhưng lại phản ánh một vấn đề có tính nền tảng. Thực tế, vẫn còn một bộ phận giảng viên hiểu năng lực số chủ yếu là khả năng sử dụng máy tính, phần mềm trình chiếu hoặc tổ chức lớp học trực tuyến. Cách hiểu này chưa bao quát đầy đủ yêu cầu của giáo dục đại học trong bối cảnh chuyển đổi số. Năng lực số hiện nay không chỉ bao gồm kỹ năng sử dụng công nghệ mà còn đòi hỏi khả năng thiết kế học liệu số, khai thác dữ liệu phục vụ giảng dạy, tổ chức học tập trên môi trường số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, thực hiện đánh giá trực tuyến cũng như bảo đảm an toàn thông tin và đạo đức số. Khi nhận thức chưa đầy đủ, việc đầu tư phát triển năng lực số thường chỉ dừng ở việc học sử dụng công cụ thay vì đổi mới toàn diện hoạt động nghề nghiệp.

Một kết quả đáng quan tâm khác là thái độ và khả năng thích ứng được đánh giá có mức khó khăn thấp nhất trong các tiêu chí khảo sát (ĐTB = 1,99). Điều này cho thấy đa số giảng viên có tinh thần sẵn sàng tiếp cận những thay đổi của chuyển đổi số và không xem việc thích ứng là trở ngại lớn. Đây là một tín hiệu tích cực bởi sự sẵn sàng thay đổi sẽ tạo điều kiện thuận lợi để các chương trình bồi dưỡng và chính sách hỗ trợ của nhà trường phát huy hiệu quả trong thời gian tới.

Mặc dù vậy, sự phát triển năng lực số giữa các giảng viên vẫn chưa đồng đều. Một bộ phận giảng viên đã chủ động ứng dụng nhiều nền tảng học tập số, xây dựng học liệu điện tử và khai thác các công cụ hỗ trợ giảng dạy hiện đại. Ngược lại, vẫn còn không ít giảng viên chủ yếu sử dụng công nghệ ở mức cơ bản như trình chiếu bài giảng, chia sẻ tài liệu hoặc giao bài tập trực tuyến. Các công cụ phục vụ mô phỏng, phân tích dữ liệu học tập, đánh giá tự động hay trí tuệ nhân tạo vẫn chưa được khai thác phổ biến. Điều này dẫn đến sự khác biệt về hiệu quả chuyển đổi số giữa các khoa, bộ môn và từng cá nhân giảng viên.

Về điều kiện bảo đảm, mặc dù nhiều trường đại học địa phương đã đầu tư hệ thống mạng, phòng học thông minh, thư viện số và các nền tảng quản lý học tập, nhưng mức độ đầu tư giữa các cơ sở đào tạo vẫn còn chênh lệch. Một số hạ tầng kỹ thuật chưa đáp ứng yêu cầu triển khai các hoạt động dạy học trực tuyến hoặc chưa bảo đảm tính ổn định khi sử dụng đồng thời nhiều dịch vụ số. Chính những hạn chế này làm giảm hiệu quả ứng dụng công nghệ trong quá trình giảng dạy, nghiên cứu và kiểm tra đánh giá của giảng viên.

Bên cạnh đó, hoạt động bồi dưỡng về công nghệ số tuy được triển khai khá thường xuyên (ĐTB = 2,27) nhưng chưa tạo được sự chuyển biến mạnh về năng lực nghề nghiệp. Nhiều chương trình tập huấn còn thiên về hướng dẫn thao tác kỹ thuật hoặc giới thiệu phần mềm mới, trong khi nội dung gắn với phương pháp sư phạm số, thiết kế học liệu, đánh giá người học bằng công nghệ hay tích hợp trí tuệ nhân tạo vào giảng dạy còn hạn chế. Vì vậy, sau khi tham gia bồi dưỡng, nhiều giảng viên vẫn gặp khó khăn khi áp dụng kiến thức vào thực tiễn giảng dạy của ngành chuyên môn.

Từ góc độ quản lý, kết quả khảo sát cho thấy việc phát triển năng lực số cần được xem là một nhiệm vụ mang tính hệ thống. Nếu nhà trường chỉ tập trung đầu tư thiết bị hoặc tổ chức các khóa tập huấn ngắn hạn mà chưa có cơ chế động viên, đánh giá và ghi nhận phù hợp thì khó tạo ra động lực để giảng viên chủ động đổi mới. Đồng thời, việc giảm tải một số nhiệm vụ hành chính, bố trí thời gian hợp lý cho hoạt động tự học và nghiên cứu công nghệ cũng là điều kiện cần thiết để giảng viên có thể phát triển năng lực số một cách bền vững.

Nhìn chung, các kết quả khảo sát cho thấy những khó khăn trong phát triển năng lực số của giảng viên các trường đại học địa phương xuất phát từ cả yếu tố cá nhân và yếu tố tổ chức. Trong đó, các rào cản về cơ chế khuyến khích, khối lượng công việc và điều kiện hạ tầng được đánh giá nổi bật hơn so với các yếu tố liên quan đến thái độ hay khả năng thích ứng của giảng viên. Điều này hàm ý rằng để nâng cao năng lực số cho đội ngũ giảng viên, các trường đại học cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, bao gồm nâng cao nhận thức, đổi mới nội dung bồi dưỡng, hoàn thiện hạ tầng công nghệ, xây dựng cơ chế khuyến khích phù hợp và tạo môi trường thuận lợi để giảng viên có điều kiện học tập, sáng tạo và ứng dụng công nghệ trong hoạt động nghề nghiệp. Đây sẽ là nền tảng quan trọng giúp các trường đại học địa phương đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

3.5. Giải pháp khắc phục những khó khăn trong phát triển năng lực số của giảng viên các trường đại học địa phương

Giải pháp dành cho giảng viên

Trước hết, cần nâng cao nhận thức của đội ngũ giảng viên về vai trò của năng lực số trong đổi mới giáo dục đại học và chuyển đổi số quốc gia. Hoạt động này cần được triển khai gắn với việc quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là Quyết định số 131/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”; Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW về phong trào “Bình dân học vụ số”. Giảng viên cần nhận thức đầy đủ rằng năng lực số không chỉ là khả năng sử dụng công nghệ mà còn bao gồm năng lực thiết kế, tổ chức và đánh giá hoạt động dạy học trên môi trường

số, khai thác dữ liệu phục vụ giảng dạy, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng trí tuệ nhân tạo một cách có trách nhiệm. Khi nhận thức được nâng cao, quá trình đổi mới phương pháp giảng dạy và ứng dụng công nghệ sẽ diễn ra chủ động và bền vững hơn.

Việc vận dụng công nghệ số vào hoạt động chuyên môn cần trở thành một phần trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp của mỗi giảng viên, thay vì chỉ dừng lại ở việc sử dụng các công cụ hỗ trợ khi có yêu cầu. Quá trình này đòi hỏi giảng viên chủ động lựa chọn và khai thác các nền tảng, phần mềm và ứng dụng số phù hợp để đổi mới phương pháp giảng dạy, xây dựng học liệu, tổ chức kiểm tra đánh giá, hỗ trợ nghiên cứu khoa học cũng như nâng cao hiệu quả quản lý học thuật. Thông qua quá trình sử dụng thường xuyên trong các nhiệm vụ chuyên môn, năng lực số sẽ được hình thành và phát triển một cách bền vững, đồng thời giúp giảng viên nâng cao khả năng thích ứng với những yêu cầu của giáo dục đại học trong bối cảnh chuyển đổi số.

Mỗi giảng viên cần xác định phát triển năng lực số là một quá trình học tập liên tục gắn với sự phát triển nghề nghiệp. Việc chủ động cập nhật kiến thức, tự học, tự bồi dưỡng, rèn luyện kỹ năng và thường xuyên ứng dụng các công cụ số trong giảng dạy, nghiên cứu không chỉ giúp nâng cao hiệu quả công việc mà còn tăng khả năng thích ứng trước những yêu cầu đổi mới của giáo dục đại học trong bối cảnh chuyển đổi số.

Giải pháp ở cấp trường đại học địa phương

Các trường đại học địa phương cần xây dựng các chương trình bồi dưỡng theo hướng thực hành, phù hợp với nhu cầu và trình độ của từng nhóm giảng viên. Thay vì tổ chức các khóa học mang tính đại trà, nhà trường có thể phân loại đối tượng theo lĩnh vực chuyên môn, mức độ thành thạo công nghệ và yêu cầu công việc của giảng viên để thiết kế nội dung đào tạo phù hợp. Các chương trình bồi dưỡng cần chú trọng phát triển khả năng ứng dụng công nghệ số vào giải quyết các nhiệm vụ nghề nghiệp như xây dựng học liệu số, tổ chức dạy học trực tuyến và kết hợp, khai thác dữ liệu phục vụ nghiên cứu khoa học, sử dụng trí tuệ nhân tạo một cách hiệu quả và có trách nhiệm, cũng như bảo đảm an toàn thông tin trong môi trường số. Việc gắn nội dung bồi dưỡng với các tình huống thực tiễn, với chuyên môn của giảng viên sẽ giúp giảng viên dễ dàng vận dụng kiến thức vào hoạt động chuyên môn.

Trường đại học địa phương cần hình thành môi trường học tập nghề nghiệp khuyến khích giảng viên chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình ứng dụng công nghệ số. Việc xây dựng các nhóm chuyên môn, cộng đồng thực hành hoặc diễn đàn trao đổi về chuyển đổi số trong nhà trường sẽ tạo điều kiện để giảng viên học hỏi từ đồng nghiệp, cập nhật các công cụ và phương pháp mới, đồng thời giảm bớt tâm lý e ngại khi tiếp cận công nghệ. Hoạt động hướng dẫn, hỗ trợ giữa những giảng viên có kinh nghiệm và giảng viên còn hạn chế về kỹ năng số cũng là giải pháp hiệu quả nhằm rút ngắn khoảng cách về năng lực.

Các trường đại học địa phương cần đầu tư đồng bộ hạ tầng công nghệ, phần mềm và hệ thống học liệu số; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng năng lực số theo từng nhóm giảng viên và từng lĩnh vực chuyên môn; hoàn thiện cơ chế khuyến khích, đánh giá và ghi nhận kết quả ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý học thuật. Đồng thời, cần giảm áp lực hành chính để giảng viên có thêm thời gian tham gia các hoạt động phát triển chuyên môn.

Cần hoàn thiện cơ chế đánh giá và khuyến khích theo hướng coi kết quả ứng dụng công nghệ số là một tiêu chí trong đánh giá chất lượng công tác, xét thi đua và khen thưởng. Đồng thời, cần có chính sách hỗ trợ về kinh phí, thời gian và chuyên môn để giảng viên yên tâm triển khai các sáng kiến số trong giảng dạy và nghiên cứu. Những thành tích trong phát triển năng lực số có thể được xem là một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành tốt nhiệm vụ, xét thi đua, khen thưởng hoặc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp.

Sau cùng, các trường đại học địa phương cần tăng cường hợp tác và huy động các nguồn lực hỗ trợ phát triển năng lực số cho giảng viên. Để phát triển năng lực số một cách bền vững, các trường đại học không thể chỉ dựa vào nguồn lực nội bộ mà cần mở rộng mạng lưới hợp tác với các cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp công nghệ, chuyên gia trong lĩnh vực chuyển đổi số và các cơ quan quản lý địa phương. Sự liên kết này sẽ tạo điều kiện chia sẻ nguồn lực, kinh nghiệm và giải pháp, góp phần nâng cao chất lượng phát triển đội ngũ giảng viên. Việc mở rộng hợp tác sẽ tạo điều kiện để giảng viên tiếp cận các chương trình bồi dưỡng chuyên sâu, cập nhật công nghệ mới, chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn và tham gia các dự án nghiên cứu, chuyển giao công nghệ hoặc hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc tăng cường kết nối và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ bên ngoài mang lại nhiều giá trị cho các trường đại học địa phương. Không chỉ tạo điều kiện phát triển học liệu số và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hoạt động này còn góp phần gắn kết chương trình đào tạo với nhu cầu thực tiễn của địa phương. Đồng thời, đây cũng là động lực quan trọng giúp nâng cao năng lực số của giảng viên, thúc đẩy chuyển đổi số trong nhà trường và phát huy vai trò của cơ sở giáo dục đại học đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Giải pháp ở cấp cơ quan quản lý nhà nước

Cơ quan quản lý nhà nước giữ vai trò định hướng, tạo hành lang pháp lý và huy động nguồn lực để thúc đẩy phát triển năng lực số của đội ngũ giảng viên. Do đó, cần tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách theo hướng gắn phát triển năng lực số với yêu cầu đổi mới giáo dục đại học và chuyển đổi số quốc gia.

Bộ Giáo dục và Đào tạo cần ban hành, hướng dẫn về chuẩn năng lực số của giảng viên phù hợp với điều kiện của giáo dục đại học Việt Nam, đồng thời xây dựng lộ trình triển khai thống nhất giữa các cơ sở giáo dục đại học. Trên cơ sở đó, các trường có căn cứ để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và đánh giá năng lực số của giảng viên một cách đồng bộ. Tăng cường theo dõi, kiểm tra và đánh giá việc triển khai các chính sách phát triển năng lực số tại các cơ sở giáo dục đại học nhằm kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc và có biện pháp hỗ trợ phù hợp.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cần ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư cho các trường đại học địa phương, nhất là các trường còn gặp khó khăn về hạ tầng công nghệ, nền tảng số và học liệu số. Việc hỗ trợ kinh phí để nâng cấp hệ thống quản lý học tập, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và nghiên cứu, góp phần thu hẹp khoảng cách về điều kiện chuyển đổi số giữa các cơ sở giáo dục đại học.

Từ những phân tích trên có thể thấy, phát triển năng lực số cho giảng viên các trường đại học địa phương là quá trình mang tính lâu dài, cần được triển khai đồng bộ và gắn với chiến lược phát triển đội ngũ của mỗi nhà trường. Việc thực hiện các giải pháp cần bảo đảm sự kết hợp giữa nâng cao nhận thức, xây dựng khung năng lực, đổi mới hoạt động bồi dưỡng, đầu tư hạ tầng công nghệ, phát triển học liệu số, xây dựng cộng đồng thực hành, hoàn thiện

cơ chế đánh giá và khuyến khích, đồng thời mở rộng hợp tác với các tổ chức và doanh nghiệp. Bên cạnh nỗ lực của đội ngũ giảng viên, kịp thời chỉ đạo, hỗ trợ từ phía các cơ quan quản lý nhà nước, sự quan tâm và chỉ đạo của lãnh đạo nhà trường cùng sự phối hợp của các đơn vị chức năng có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo lập môi trường thuận lợi cho phát triển năng lực số. Việc triển khai đồng bộ các giải pháp sẽ tạo nền tảng cho sự phát triển đội ngũ giảng viên theo hướng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, đồng thời góp phần đổi mới giáo dục đại học, nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu phát triển của các cơ sở giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

4. KẾT LUẬN

Sự phát triển của công nghệ số đã và đang làm thay đổi môi trường giáo dục đại học, kéo theo những yêu cầu mới đối với đội ngũ giảng viên. Đối với các trường đại học địa phương, việc đáp ứng các yêu cầu này trở thành điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo và thực hiện hiệu quả quá trình chuyển đổi số. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc phát triển năng lực số của giảng viên vẫn còn chịu tác động của nhiều rào cản khác nhau. Bên cạnh những hạn chế về kỹ năng khai thác và ứng dụng công nghệ trong hoạt động chuyên môn của một bộ phận giảng viên, các yếu tố như điều kiện hạ tầng công nghệ, cơ hội tham gia bồi dưỡng, áp lực từ khối lượng công việc, hạn chế về thời gian cũng như chính sách hỗ trợ chưa thực sự đồng bộ đã ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình nâng cao năng lực số.

Những khó khăn này có xu hướng bộc lộ rõ hơn tại các trường đại học địa phương do điều kiện về nguồn lực, cơ sở vật chất, khả năng tiếp cận học liệu số, chuyên gia và mạng lưới hợp tác học thuật còn hạn chế. Điều đó cho thấy việc phát triển năng lực số không thể chỉ dựa vào nỗ lực của từng giảng viên mà cần được xem là một nhiệm vụ trong chiến lược phát triển của nhà trường, gắn với đầu tư hạ tầng, tổ chức bồi dưỡng thường xuyên và xây dựng cơ chế khuyến khích phù hợp.

Việc chỉ ra đầy đủ các khó khăn trong phát triển năng lực số giúp các trường đại học địa phương có thêm căn cứ để rà soát điều kiện thực tế, xác định những nội dung cần ưu tiên và lựa chọn giải pháp phù hợp với đặc điểm của từng cơ sở đào tạo. Đây cũng là yếu tố quan trọng giúp các trường đại học địa phương từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số và tăng cường khả năng đáp ứng các yêu cầu đổi mới giáo dục đại học trong bối cảnh hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025), *Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 Quy định khung năng lực số cho người học*.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026), *Thông tư số 18/2026/TT-BGDĐT ngày 27/03/2026 Ban hành khung năng lực số đối với giảng viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên*.
- [3] Bùi Kim Hạnh, Bùi Văn Bằng (2024), *Chuyển đổi số trong giáo dục đại học ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp*, Nxb. Dân trí, Hà Nội.
- [4] Nhật lệ (2024), *Đề xuất trường đại học địa phương phát triển theo loại hình trường đại học cộng đồng*, Tạp chí Điện tử Giáo dục Việt Nam, ngày 11/05/2024.

- [5] Nguyễn Văn Mạnh (2025), *Nâng cao năng lực chuyển đổi số cho đội ngũ giảng viên trẻ tại học viện Biên phòng hiện nay*, Tạp chí Tâm lý - Giáo dục, 3(10)kỳ1:170-173.
- [6] Thủ tướng chính phủ (2022), Quyết định số 131/QĐ-TTg, *Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”*, Hà Nội.
- [7] Law, N., Woo, D., de la Torre, J., & Wong, G. (2018), *A Global Framework of Reference on Digital Literacy Skills for Indicator 4.4.2*. UNESCO Institute for Statistics.
- [8] Punie, Y., editor(s), Redecker (2017), C., *European Framework for the Digital Competence of Educators: DigCompEdu*, EUR 28775 EN, Publications Office of the European Union, Luxembourg, ISBN 978-92-79-73718-3 (print), 978-92-79-73494-6 (pdf), doi:10.2760/178382 (print), 10.2760/159770 (online), JRC107466.
- [9] Redecker, C. (2017), *European Framework for the Digital Competence of Educators: DigCompEdu*. Y. Punie (Ed.), Publications Office of the European Union.
- [10] UNESCO (2018), *Digital skills critical for jobs and social inclusion*, <https://www.unesco.org/en/articles/digital-skills-critical-jobs-and-social-inclusion>.
- [11] Vuorikari, R., Kluzer, S. and Punie, Y (2022), *DigComp 2.2: The Digital Competence Framework for Citizens - With new examples of knowledge, skills and attitudes*, EUR 31006 EN, Publications Office of the European Union, Luxembourg, 2022, ISBN 978-92-76-48882-8, doi:10.2760/115376, JRC128415.

CHALLENGES FACED BY LECTURERS AT LOCAL UNIVERSITIES IN DEVELOPING DIGITAL CAPABILITIES

Le Thi Thu Ha

ABSTRACT

This article uses methods of document analysis and synthesis, and opinion polling to clarify the characteristics of local universities, the necessity of developing digital skills for lecturers in local universities for teaching, scientific research, and management in the context of current educational reform, and to assess the current difficulties in developing digital skills for lecturers in local universities. From there, it proposes several solutions to develop digital skills for lecturers, contributing to improving the quality of training and promoting digital transformation in higher education.

Keywords: *Digital competence, university lecturers, local universities, digital transformation, educational reform.*

* Ngày nộp bài: 15/6/2026; Ngày gửi phản biện: 3/7/2026; Ngày duyệt đăng: 15/7/2026